

Biến đổi mô hình phân công lao động nội trợ trong gia đình nông thôn

Phùng Thị Kim Anh

Viện Gia đình và Giới

Tóm tắt: Bài viết sử dụng số liệu từ cuộc khảo sát “Nghiên cứu gia đình nông thôn Việt Nam 2008”, được tiến hành tại xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam vào tháng 9 năm 2008 với mẫu nghiên cứu là 302 trường hợp. Bài viết xem xét sự biến đổi mô hình phân công lao động trong gia đình theo trục thời gian, từ khi các cặp vợ chồng kết hôn và so sánh với mô hình phân công lao động nội trợ ở thời điểm khảo sát. Kết quả phân tích cho thấy trong quá trình chung sống, giữa vợ và chồng đã có sự chia sẻ nhất định về công việc nội trợ, thời gian kết hôn tăng lên thì khối lượng công việc của người phụ nữ được giảm xuống. Tuy nhiên, công việc nội trợ vẫn do hầu hết các thành viên nữ đảm nhận, nếu không phải do người vợ, người mẹ thì vẫn là con gái hoặc chị em gái. Vai trò các thành viên nam như người chồng, người cha hoặc con trai, anh em trai vẫn chỉ mang tính hỗ trợ. Do đó, việc thu hẹp khoảng cách và các định kiến trong việc phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng theo tác giả cần phải có sự tác động của các chính sách xã hội hơn là trông chờ sự thay đổi của bản thân phụ nữ và nam giới trong gia đình.

Từ khoá: Phân công lao động trong gia đình; Lao động nội trợ; Gia đình nông thôn.

1. Giới thiệu

Lao động nội trợ trong gia đình là chủ đề quan tâm của rất nhiều các nghiên cứu về gia đình. Các nghiên cứu về phân công lao động nội trợ cho rằng đó là thành tố quan trọng và phức tạp của các mối quan hệ trong gia đình, thể hiện mối quan hệ giới, cấu trúc hộ gia đình, sự tương tác giữa các thành viên trong mối tương quan với tình cảm gia đình, tương quan về quyền lực giới, ý nghĩa biểu trưng, tâm thế giới và thực hành giới.

Luận điểm phổ biến nhất cho rằng lao động nội trợ có tính đặc thù giới bởi phụ nữ là người hầu như làm chủ yếu các công việc này. Theo quan niệm truyền thống, người phụ nữ gắn liền với vai trò người vợ, người mẹ, người nội trợ trong gia đình. Sự phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng là hình thức biểu hiện rõ rệt nhất vị trí và vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội (Lê Ngọc Hùng & Trần Thị Vân Anh, 2000).

Xét từ góc độ kinh tế, sự phân công lao động nội trợ trong gia đình liên quan đến sự vận hành của thị trường lao động chính thức và phi chính thức. Điều dễ nhận thấy là lao động nội trợ là lao động không trả lương. Mặc dù đó là những hoạt động thiết yếu để duy trì sự tồn tại của con người song nó thường khó hoặc không thể quy thành giá trị kinh tế nên thường bị đánh giá thấp và không được trả công (Bianchi et al, 2000; Coltrane, 2000). Chính điều này khiến cho trong việc phân công lao động nội trợ xuất hiện những xung đột về vai trò, trách nhiệm cũng như thu nhập giữa phụ nữ và nam giới. Người phụ nữ phải chịu gánh nặng kép khi cùng một lúc đảm nhận công việc nội trợ và tham gia lao động ngoài xã hội. Vì thế, phân công lao động nội trợ được coi là một lĩnh vực thể hiện sự bất bình đẳng giới chủ yếu nhất của đời sống gia đình (Vũ Tuấn Huy & Deborah S.Carr, 2000; Desai, 1995).

Phân công lao động nội trợ theo giới góp phần xã hội hoá vai trò giới truyền thống và định hình khuôn mẫu giới ngay từ trong gia đình. Kiểu phân công lao động theo giới này đã hình thành từ rất sớm, rất rõ, rất lâu bền và rất khó thay đổi. Ngay từ khi còn nhỏ các em gái đã được dạy bảo phải làm các công việc của phụ nữ như quét nhà, rửa ấm chén, bát đĩa, lớn lên nấu cơm, trông em, khâu vá, giặt giũ. Trong khi đó các em trai được định hướng là sẽ làm những công việc nặng nhọc hay những việc lớn trong gia đình. Khi trưởng thành, xu hướng phân công lao động theo giới được thể hiện một cách rõ nét: phụ nữ là người làm các công việc không được trả công, còn nam giới làm các loại việc được trả công (Lê Ngọc Hùng & Nguyễn Thị Mỹ Lộc, 2000).

Trong những năm gần đây, các nghiên cứu cũng cho thấy sự chia sẻ công việc nội trợ giữa người vợ và người chồng đã có những chuyển biến tích cực. Một số nam giới có nhận thức rõ hơn về trách nhiệm của mình trong việc dạy dỗ con cái, chăm sóc người già, người ốm và coi đó là trách nhiệm chung mà vợ chồng phải cùng nhau gánh vác (Đỗ Thị Bình, 2001). Nam giới trong các gia đình có con nhỏ có chia sẻ một phần trách nhiệm nội trợ nhưng chưa hoàn toàn bình đẳng (Desai, 2000). Hơn nữa, có một thực tế được chỉ ra là khi người chồng chia sẻ công việc nội trợ, điều đó chỉ mang ý nghĩa “trợ giúp” và anh ta còn nhận được lời khen từ bên ngoài, trong khi công việc này là bình thường đối với phụ nữ (Nguyễn Kim Hà, 1997).

Cùng với việc chỉ ra mối quan hệ bất bình đẳng giới là nguyên nhân sâu xa của mô hình phân công lao động nội trợ truyền thống, các nghiên cứu đã tập trung tìm hiểu các yếu tố tác động đến việc sự thay đổi (mặc dù không nhiều) trong mô hình phân công lao động nội trợ theo giới. Bên cạnh những lý giải về thay đổi về đoàn hệ hôn nhân, nghĩa là thế hệ trẻ hơn làm ít công việc nội trợ hơn các thế hệ trước, các nghiên cứu cũng chú ý xem xét các biến đổi trong vòng đời (life course) hay trong đời sống hôn nhân có ảnh hưởng như thế nào đến sự thay đổi mô hình phân công lao động nội trợ trong gia đình (Artis & Pavalko, 2003; Coltrane, 2000).

Phân tích của Vũ Tuấn Huy & Deborah S. Carr (2000) cho thấy độ tuổi của người vợ là một yếu tố tác động đáng kể đến sự thay đổi mô hình phân công lao động. Kết quả phân tích chỉ ra giữa các phụ nữ ở nhóm tuổi trẻ nhất và nhóm già nhất có sự khác biệt tới gần một đầu công việc (0,89). Tuy nhiên, độ tuổi của người chồng không có tác động đến số lượng công việc nội trợ mà phụ nữ phải đảm nhận, điều đó cũng có ý nghĩa rằng nam giới dù nhiều tuổi hay ít tuổi ít có xu hướng chia sẻ công việc nội trợ với phụ nữ (Trần Quý Long, 2008).

Kết quả Điều tra gia đình năm 2006 cho thấy, trong bối cảnh xã hội hiện đại, phụ nữ ngày càng tham gia nhiều hơn vào thị trường lao động, đặc biệt, trong nhiều hộ gia đình, khi trụ cột kinh tế thuộc về người vợ thì vai trò truyền thống của họ cũng thay đổi. Đó là những gia đình phụ nữ đi làm bên ngoài, kiếm được nhiều tiền và không có đủ thời gian dành cho công việc gia đình, khi đó trách nhiệm công việc nội trợ được chuyển sang cho các thành viên khác như chồng, con, ông bà. Tuy nhiên, gánh nặng công việc nội trợ vẫn đặt lên vai người phụ nữ, mặc dù họ đã có sự chia sẻ công việc của chồng, bố mẹ, hoặc con cái.

Số con cũng là một nguồn làm tăng hoặc giảm công việc nội trợ của người phụ nữ, đặc biệt con gái có vai trò quan trọng hơn con trai trong việc giảm công việc nội trợ của người phụ nữ (Vũ Tuấn Huy & Deborah S. Carr, 2000). Tuy nhiên, chỉ những gia đình có đông con (từ 5 con trở lên) thì phụ nữ mới có khả năng giảm số công việc nội trợ của mình (Trần Quý Long, 2008). Ngoài ra, hộ gia đình càng đông thì tỷ lệ người vợ làm chính các công việc nội trợ giảm đi, song không phải ở tất cả các công việc. Chăm sóc con và nấu ăn ở các gia đình đông thành viên và chung sống lâu năm là những công việc khiến gánh nặng của phụ nữ tăng lên (Lê Thái Thị Băng Tâm, 2008).

Như vậy, cách ứng xử với các công việc nội trợ trong gia đình giữa các thành viên gia đình mang đặc trưng xã hội và có thể thay đổi trong chừng mực nhất định do sự thay đổi các yếu tố về nhân khẩu học và đặc biệt là thời gian chung sống của cặp vợ chồng, sự thay đổi quy mô gia đình có ảnh hưởng như thế nào đến sự phân công lao động nội trợ trong gia đình. Bài viết xem xét sự biến đổi mô hình phân công lao động trong gia đình theo trục thời gian, bắt đầu từ khi các cặp vợ chồng bắt đầu kết hôn và so sánh với mô hình phân công lao động nội trợ ở thời điểm khảo sát (năm 2008). Kết quả phân tích sẽ góp phần chỉ ra một số thay đổi của mối quan hệ giới trong gia đình thông qua sự sắp đặt về trách nhiệm đối với công việc nội trợ gia đình.

2. Đặc điểm về mẫu nghiên cứu, sử dụng số liệu và phương pháp phân tích

Bài viết này sử dụng số liệu từ cuộc điều tra “Nghiên cứu gia đình nông thôn Việt Nam” năm 2008. Cuộc điều tra được tiến hành tại xã Trịnh Xá, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam vào tháng 9 năm 2008 với mẫu nghiên cứu là 302 trường hợp. Số lượng người trả lời được cân bằng theo giới tính với độ tuổi trung bình của người trả lời là 42 tuổi. Hầu hết người trả lời đều có gia đình và kết hôn lần đầu (ví dụ một số nghiên cứu của các học giả phương Tây chỉ ra số lần kết hôn cũng có ảnh hưởng đến sự phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng. Tuy nhiên trong cuộc khảo sát này, số người kết hôn lần thứ hai là khá ít (2 trường hợp) nên không có đủ dữ liệu để tìm hiểu mối liên hệ với sự phân công lao động nội trợ trong gia đình). Và hầu hết họ có thời gian kết hôn trung bình là 20 năm.

Trong nghiên cứu này, các loại công việc nội trợ được đưa ra trong bảng hỏi là (1) mua thức ăn, (2) nấu cơm, (3) rửa bát, (4) dọn nhà, (5) giặt

giữ, (6) trông con nhỏ. Câu hỏi được sử dụng là: *Ai là người trong hộ gia đình làm chủ yếu làm việc này*, với sự lựa chọn duy nhất trong số 13 phương án trả lời (1) chồng, (2) vợ, (3) cả hai vợ chồng, (4)...(13) những người khác. Cũng cần nói thêm rằng các loại công việc được liệt kê trên đây chủ yếu là lợi thế của phụ nữ và thiếu hẳn các công việc mà nam giới có khuynh hướng đảm nhận như sửa chữa đồ đạc, xe cộ... Vì vậy, điều này có thể khiến cho kết quả phân tích có sự sai lệch nhất định. Các biến độc lập được đưa vào xem xét bao gồm thời điểm kết hôn (1969-1986, 1987-1999, 2000-2008), hoàn cảnh gia đình (khá, trung bình, kém), người đóng góp chủ yếu cho gia đình (vợ, chồng), số người sống trong hộ gia đình. Kỹ thuật phân tích là tương quan hai biến.

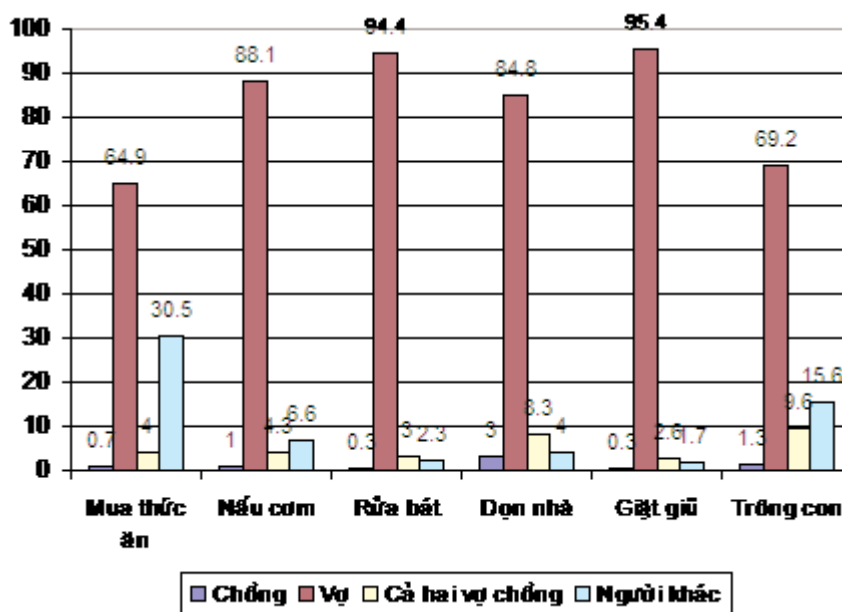
3. Phân công lao động nội trợ ở thời điểm mới kết hôn

Lao động nội trợ gia đình bao gồm hàng loạt những công việc lặt vặt không tên, diễn ra hàng ngày trong gia đình, đòi hỏi người phụ nữ phải dành một khoảng thời gian không nhỏ để hoàn tất. Kết quả phân tích cho thấy, trong những năm đầu sau khi kết hôn, phụ nữ phải làm hầu hết các công việc nội trợ như nấu cơm (88,1%), rửa bát (94,4%), dọn nhà (84,8%), giặt giũ (95,4%). Tính trung bình, một người phụ nữ nông thôn trong những năm đầu sau khi kết hôn phải làm khoảng 5 đầu công việc, trong đó 24,8% làm đến 4 đầu công việc hoặc ít hơn, 32,5% làm 5 đầu công việc, 42,7% làm 6 đầu công việc. Ngoại trừ việc mua thức ăn, trong số các loại hình công việc nội trợ, trông con nhỏ là loại công việc nhận được sự chia sẻ nhiều nhất giữa vợ và chồng và có sự giúp đỡ của các thành viên khác trong gia đình.

Tỷ lệ người chồng làm chủ yếu các công việc nội trợ hầu như không đáng kể từ 1,3% đến 0,3% đối với từng loại công việc cụ thể. Kết quả phân tích cũng cho thấy có đến 90,4% người chồng là không phải chịu trách nhiệm chính bất kỳ một công việc nào. Người chồng làm chủ yếu nhiều nhất là 3 công việc song tỷ lệ này hết sức khiêm tốn. Một số công việc mà sự tham gia của người chồng hầu như không đáng kể là rửa bát (0,3%) và giặt giũ (0,3%).

Trong số các loại công việc nội trợ, mua thức ăn là công việc người vợ làm ít nhất với 64,9% do có sự chia sẻ của những người khác như bố mẹ chồng (30,5%). Cần lưu ý rằng khi mới kết hôn, có đến 86,4% các cặp vợ chồng chung sống với bố mẹ chồng, chỉ có 10,9% ở riêng ngay sau khi kết hôn. Điều này cho thấy một thực tế là mặc dù đảm nhận khối lượng lớn

Biểu đồ 1. Ai là người thường xuyên làm các công việc nội trợ trong những năm đầu sau khi kết hôn? (%)



công việc nội trợ nhưng đối với người phụ nữ mới kết hôn dường như không có nhiều ảnh hưởng đến các quyết định chi tiêu trong gia đình. Tuy nhiên, việc chung sống với bố mẹ chồng thời kỳ đầu kết hôn cũng giúp các cặp vợ chồng giảm bớt khối lượng công việc nội trợ so với những người tách ra sống riêng. Một người vợ khi sống riêng phải làm trung bình 5,5 đầu công việc trong khi nếu sống chung với bố mẹ chồng thì họ chỉ phải làm 4,9 đầu công việc.

Yếu tố thời gian kết hôn cũng được xem xét trong mối tương quan với sự phân công lao động giữa vợ và chồng. Trong nghiên cứu này thời gian kết hôn được chia thành 3 giai đoạn: từ 1969-1986; từ 1987-1999; từ 2000-2008. Kết quả phân tích cho thấy có sự khác biệt nhỏ trong việc chia sẻ công việc nội trợ của vợ - chồng giữa các thế hệ kết hôn. Tỷ lệ người chồng tham gia lao động nội trợ ở giai đoạn 2000-2008 có xu hướng tăng lên trong khi tỷ lệ người vợ tham gia các công việc này nhìn chung không có sự khác biệt lớn.

Trong nghiên cứu này biến số hoàn cảnh kinh tế ở đây nói đến hoàn cảnh kinh tế gia đình nhà chồng khi kết hôn, vì phần lớn các cặp vợ chồng

khi mới kết hôn đều chung sống với bố mẹ chồng. Xem xét tương quan với hoàn cảnh kinh tế gia đình, kết quả phân tích cho thấy khi gia đình có mức sống càng cao, người vợ càng tham gia lao động nội trợ nhiều hơn, đồng thời, sự tham gia của người chồng trong các gia đình có mức sống khá là thấp hơn cả so với các gia đình có mức sống trung bình và nghèo. Tính trung bình, khi gia đình có mức sống khá, người vợ phải làm 5,3 đầu công việc. Người vợ trong các gia đình nghèo có tỷ lệ thấp nhất với 4,5 đầu công việc, đồng thời, người chồng cũng có khả năng tham gia công việc nội trợ cao hơn so với các gia đình khác. Như vậy, mối quan hệ giới trong phân công lao động nội trợ trong các gia đình có mức sống thấp xem ra có xu hướng bình đẳng hơn so với gia đình mức sống trung bình và khá giả.

Như vậy, trong những năm đầu mới kết hôn, cặp vợ chồng chủ yếu sống cùng bố mẹ chồng. Trong khi người chồng hầu như không tham gia lao động nội trợ thì gánh nặng này chủ yếu đặt lên vai người phụ nữ. Kết quả phân tích tương quan hai biến cho thấy, những phụ nữ kết hôn thời kỳ 1969-1986, hoàn cảnh kinh tế (gia đình nhà chồng) khá giả thì khối lượng công việc nội trợ càng lớn, đồng thời, nam giới trong gia đình này có tỷ lệ tham gia lao động nội trợ càng thấp. Việc chung sống với bố mẹ chồng có thể làm giảm bớt phần nào khối lượng công việc nội trợ cho phụ nữ song hầu như không đáng kể. Trên thực tế, những công việc có sự tham gia của bố mẹ chồng hay những thành viên khác liên quan nhiều hơn đến quyền quyết định về chi tiêu trong gia đình (giữ tiền và mua thức ăn).

Bảng 1. Tương quan giữa hoàn cảnh kinh tế và người làm chủ yếu các công việc nội trợ (%)

Loại công việc	Chồng			Vợ		
	Khá	Trung bình	Nghèo	Khá	Trung bình	Nghèo
Mua thức ăn	0	0,7	1,4	77,8	70,9	53,6
Nấu cơm	0	0,7	1,9	100	91,2	79,7
Rửa bát	0	0,7	0	100	95,3	88,4
Dọn nhà	0	2,0	7,2	88,9	85,8	75,4
Giặt giũ	0	0,7	0	100	95,3	92,8
Trông con nhỏ	0	2,2	1,5	66,7	74,8	65,2

Bảng 2. Ai là người thường xuyên làm các công việc nội trợ thời điểm hiện tại?

Loại công việc	Chồng		Vợ		Cả hai vợ chồng		Người khác	
	Tỉ lệ tham gia	Chênh lệch so với thời điểm kết hôn	Tỉ lệ tham gia	Chênh lệch so với thời điểm kết hôn	Tỉ lệ tham gia	Chênh lệch so với thời điểm kết hôn	Tỉ lệ tham gia	Chênh lệch so với thời điểm kết hôn
Mua thức ăn	5,6	+ 4,9	87,7	+ 22,8	4,6	+ 0,6	2,0	- 28,5
Nấu cơm	5,3	+ 4,3	71,5	- 16,5	4,0	- 0,3	19,2	+ 12,6
Rửa bát	4,0	+ 3,7	64,6	- 29,8	3,0	/	28,5	+ 26,2
Dọn nhà	6,0	+ 3,0	65,9	- 18,9	8,3	/	19,9	+ 15,9
Giặt giũ	3,6	+ 3,3	78,8	- 16,6	4,6	+ 2,0	12,9	+ 11,2
Trông con nhỏ	2,0	+ 1,7	26,8	- 42,4	4,6	- 5,6	3,6	- 12,0

Ghi chú: dấu + thể hiện tỷ lệ tăng lên; dấu - thể hiện tỷ lệ giảm xuống; dấu / thể hiện tỷ lệ không thay đổi.

4. Phân công lao động nội trợ trong gia đình thời điểm hiện tại

Ở thời điểm hiện tại, mô hình phân công lao động nội trợ đã có sự thay đổi. Trong mẫu nghiên cứu này, các cặp vợ chồng có độ dài thời gian kết hôn trung bình là gần 20 năm, và với khoảng thời gian đó, hộ gia đình đã có những thay đổi đáng kể về quy mô gia đình, cấu trúc hộ gia đình, nghề nghiệp... Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra những biến đổi trong cuộc sống của cặp vợ chồng là yếu tố chủ chốt dẫn đến sự thay đổi mô hình phân công lao động nội trợ.

Số liệu từ bảng 2 cho thấy tỷ lệ người vợ tham gia lao động nội trợ đã giảm xuống ở hầu hết các công việc, đồng thời, tỷ lệ của người chồng cũng có sự tăng lên phần nào. Nếu ở thời điểm mới kết hôn, rửa bát là công việc hầu hết phụ nữ phải làm (94,4%) thì đến thời điểm hiện tại, tỷ lệ này đã giảm đáng kể với chênh lệch điểm % là 29,8. Tỷ lệ phụ nữ phải trông con nhỏ chỉ ở mức tương đối (26,8%) với lý do là nhiều người trong số họ đã có con cái trưởng thành và việc trông con nhỏ không còn là gánh nặng. Tính trung bình, một người vợ thời điểm hiện tại chỉ phải làm khoảng 4 công việc, giảm một đầu công việc so với thời điểm mới kết hôn, trong đó, có 43,7% làm đến 4 đầu công việc, 33,4% làm 5 đầu công việc, 22,8% làm 6 đầu công việc.

Bảng 3. Tương quan giữa thế hệ kết hôn và người làm chủ yếu các công việc nội trợ hiện tại (%)

Loại công việc	Chồng			Vợ		
	1969-1986	1987-1999	2000-2008	1969-1986	1987-1999	2000-2008
Mua thức ăn	6,3	6,0	2,5	85,8	88,8	89,7
Nấu cơm	7,1	4,5	2,6	66,9	70,1	92,3
Rửa bát	5,5	3,0	2,6	60,6	61,2	89,7
Dọn nhà	7,9	5,2	2,6	59,8	67,2	82,1
Giặt giũ	5,5	2,2	2,6	70,1	82,8	92,3
Trông con nhỏ	5,3	8,9	0	63,2	75,0	73,0

Mặc dù tỷ lệ người chồng tham gia công việc nội trợ có tăng lên song đây không phải là yếu tố đáng kể giúp người phụ nữ giảm bớt khối lượng công việc. Một phần trách nhiệm công việc nội trợ trong gia đình là do các thành viên khác trong gia đình đảm nhận, đặc biệt là con cái. Các cặp vợ chồng có con gái đã nhận được sự chia sẻ đáng kể trách nhiệm công việc nội trợ như nấu cơm (11,6%), rửa bát (17,5%), dọn nhà (12,9%), giặt giũ (8,9%). Con trai cũng có trợ giúp một phần công việc nội trợ song tỷ lệ này là rất nhỏ.

Số liệu bảng 3 cho thấy thời điểm kết hôn có mối liên hệ thuận với mô hình phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng. Ở thời điểm hiện tại, trung bình một người vợ kết hôn thời kỳ trước đổi mới phải làm 3,5 đầu công việc, người vợ kết hôn trong đổi mới phải làm 4 đầu công việc thì người vợ kết hôn sau đổi mới phải làm đến 5 đầu công việc. Như vậy, thế hệ kết hôn giai đoạn 1969-1986 có sự chia sẻ công việc nội trợ bình đẳng hơn so với thế hệ kết hôn thời kỳ 1987-1999, và thế hệ kết hôn giai đoạn 2000-2008. Cũng phải lưu ý rằng những cặp vợ chồng kết hôn giai đoạn 2000-2008 sẽ không có sự thay đổi nhiều về mô hình phân công lao động bởi độ dài hôn nhân của họ tương đối ngắn (5 năm). Như vậy, có thể nhận định rằng, độ dài hôn nhân có mối liên hệ với sự phân công lao động nội trợ ở chỗ thời gian kết hôn càng dài thì mối quan hệ này càng có xu hướng bình đẳng hơn.

Xét tương quan với mức sống hộ gia đình, có thể thấy với hộ gia đình có kinh tế khá giả, sự phân công lao động nội trợ bình đẳng hơn so với gia

đình có mức sống thấp. Thời điểm hiện tại của cuộc hôn nhân, người chồng trong hộ gia đình có mức sống khá có tỷ lệ tham gia lao động nội trợ cao nhất và thấp nhất là những người chồng trong gia đình có mức sống trung bình. Đối với người vợ, tỷ lệ tham gia công việc nội trợ cao nhất là những người trong gia đình có mức sống thấp và thấp nhất là những người vợ trong gia đình có mức sống khá giả. Và xu hướng này hoàn toàn đảo ngược so với thời điểm những năm đầu sau khi kết hôn. Như vậy, việc chia sẻ công việc nội trợ giữa vợ và chồng trong các gia đình có mức sống khá giả thay đổi nhanh chóng hơn so với các gia đình có mức sống trung bình và thấp. Có thể lý giải điều này một phần là các gia đình có mức sống cao có điều kiện tốt hơn về kinh tế giúp họ giải phóng một phần lao động nội trợ.

Số người trong hộ gia đình là cũng một yếu tố tác động đến mô hình phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng trong gia đình. Xu hướng chung là số thành viên trong hộ gia đình càng lớn thì người vợ hoặc người chồng càng có xu hướng làm nội trợ ít hơn. Tỷ lệ người chồng làm nội trợ cao nhất là trong hộ gia đình 4 người, đối với người vợ tỷ lệ làm nội trợ nhiều nhất là trong hộ gia đình có 3 người. Với gia đình có 5 thành viên, người phụ nữ được giảm bớt khối lượng nhiều nhất đối với các công việc như rửa bát hay dọn nhà với hơn một nửa số phụ nữ đảm nhận. Nhìn chung, với hộ gia đình có đông thành viên, mặc dù khối lượng công việc nội trợ có thể tăng lên, hoạt động này lại có được sự chia sẻ, tham gia của các thành viên khác trong gia đình như bố mẹ, anh chị em, con trai, con gái.

Vai trò chủ yếu trong việc đóng góp kinh tế của người vợ hay người chồng là một yếu tố tác động đáng kể đến sự phân công lao động nội trợ trong gia đình. Khi người vợ đóng góp nhiều hơn, người vợ có xu hướng chia sẻ công việc nội trợ cho người chồng cao hơn. Khi người chồng có đóng góp nhiều hơn, cách biệt về sự phân chia lao động nội trợ giữa vợ chồng càng lớn. Ví dụ với việc nấu cơm, khi người vợ có đóng góp nhiều hơn, cách biệt về tỷ lệ giữa vợ và chồng là 41,4%, khi người chồng có đóng góp nhiều hơn, điểm cách biệt là 74,7%. Kết quả này thêm một lần nữa cho thấy tác động của quyền lực kinh tế đến mô hình phân công lao động nội trợ theo giới trong gia đình (Bảng 4).

Tóm lại, ở thời điểm hiện tại, người vợ vẫn là người làm chủ yếu công việc nội trợ trong gia đình. Khối lượng công việc nội trợ của người vợ giảm xuống và người chồng đã sự tham gia tích cực hơn đối với các công việc nội trợ trong gia đình. Nhìn chung cặp vợ chồng kết hôn ở giai đoạn 1969-1986 (có độ dài hôn nhân cao nhất), có mức sống khá giả, người vợ

Bảng 4. Tương quan người đóng góp nhiều hơn và ai làm chủ yếu công việc nội trợ hiện tại (%)

Loại công việc	Vợ đóng góp nhiều hơn			Chồng đóng góp nhiều hơn		
	Chồng	Vợ	Chênh lệch giữa vợ và chồng	Chồng	Vợ	Chênh lệch giữa vợ và chồng
Mua thức ăn	14,3	74,3	60,0	2,6	92,1	89,5
Nấu cơm	15,7	57,1	41,4	1,8	76,2	74,7
Rửa bát	10,0	51,4	41,4	1,8	69,2	67,4
Dọn nhà	11,4	58,6	47,2	4,0	67,8	63,8
Giặt giũ	8,6	71,4	62,8	1,8	81,5	79,7
Trông con nhỏ	14,3	66,7	52,4	3,3	73,3	70,0

có đóng góp nhiều hơn về kinh tế, gia đình có nhiều thành viên thì có xu hướng chia sẻ bình đẳng hơn giữa vợ và chồng trong việc thực hiện lao động nội trợ. Như vậy, các biến đổi nhất định trong chu trình sống của gia đình có tác động phần nào đối với mô hình phân công lao động nội trợ so với thời điểm cặp vợ chồng bắt đầu kết hôn hay hình thành gia đình.

4. Thảo luận và kết luận

Thời điểm những năm đầu sau khi kết hôn, người phụ nữ là người làm hầu hết các công việc nội trợ trong gia đình. Người chồng hầu như không phải làm bất cứ công việc nội trợ nào. Điều này cũng tương đồng với nhận định của một số nghiên cứu khác khi người ta chỉ ra rằng người phụ nữ phải làm nhiều hơn khi họ mới kết hôn và trở thành người mẹ, trong khi nam giới lại có xu hướng ngược lại là làm ít hơn sau khi kết hôn (Bianchi et al, 2000; Coltrane, 2000). Nếu so sánh về sự phân công lao động nội trợ thời điểm những năm đầu sau khi kết hôn giữa những cặp vợ chồng kết hôn giai đoạn 2000-2008 và những cặp vợ chồng kết hôn giai đoạn 1969-1986 thì không có sự khác biệt lớn. Điều này cho thấy tác động của biến đổi xã hội đối với sự phân chia lao động nội trợ trong gia đình nông thôn xem ra vẫn còn mờ nhạt. Do vậy, cần phải xem xét lại các chiến lược thực hiện bình đẳng giới trong gia đình, nhất là khu vực nông thôn.

Việc sống chung cùng bố mẹ, đặc biệt là bố mẹ chồng có ảnh hưởng

một phần đến sự phân công lao động nội trợ trong gia đình, đặc biệt là phụ nữ được giảm bớt gánh nặng ở những công việc như mua thức ăn và trông con nhỏ. Tuy nhiên, kết quả phân tích cho thấy khi sống chung với bố mẹ chồng ở giai đoạn đầu của cuộc hôn nhân, các cặp vợ chồng có bố mẹ giữ tiền chi tiêu và đảm nhận việc mua thức ăn chiếm tỷ lệ đáng kể, cho thấy gánh nặng công việc nội trợ chủ yếu tập trung ở các công việc như nấu cơm, rửa bát, dọn nhà, giặt giũ.

Ảnh hưởng của hoàn cảnh kinh tế (gia đình nhà chồng) có tỷ lệ nghịch với sự chia sẻ công việc nội trợ giữa vợ và chồng thời gian đầu sau khi kết hôn. Trong các gia đình có mức sống khá giả, sự khác biệt giới trong việc tham gia lao động nội trợ giữa vợ và chồng càng lớn. Ở nông thôn miền Bắc, có một thực tế là hầu hết các cặp vợ chồng khi lập gia đình đều ở chung với bố mẹ chồng nên trong các gia đình (nhà chồng) khá giả, sự phụ thuộc về mặt kinh tế của người phụ nữ vào gia đình bên chồng là điều hoàn toàn có thể xảy ra. Điều này càng khẳng định vị thế của mô hình truyền thống chung sống sau khi kết hôn có thể làm tăng khả năng tham gia lao động nội trợ của người phụ nữ.

Tuy nhiên, trong quá trình sống, kể từ thời điểm bắt đầu hình thành gia đình đến thời điểm hiện tại sự phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng đã có thay đổi. Khoảng cách giới trong việc phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng được cải thiện. Tuy nhiên, sự thay đổi này chủ yếu là do người vợ làm ít công việc nội trợ hơn nhưng không có nghĩa là người chồng làm nhiều hơn bởi một phần công việc nội trợ được chuyển cho con cái và các thành viên khác trong gia đình, đặc biệt là con gái. Như vậy, thời gian kết hôn có liên hệ tỷ lệ thuận với mô hình phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng. Khi thời gian chung sống tăng lên, người chồng có khuynh hướng chia sẻ công việc nội trợ tích cực hơn với người vợ. Điều này cho thấy nam giới hoàn toàn có thể gánh vác công việc nội trợ và đây không phải là một hoạt động thiên định dành cho phụ nữ. Đây là một quan điểm máu chốt cần thay đổi trong việc nâng cao nhận thức về bình đẳng giới đối với gia đình ở nông thôn.

Ngoài sự chia sẻ của người chồng, sự tham gia của con cái là một yếu tố quan trọng để người vợ giảm số lượng công việc nội trợ. Trong số các gia đình có con gái, có đến 91,5% hộ gia đình có phân công cho con gái làm một số công việc nội trợ với độ tuổi trung bình của bé gái là gần 10 tuổi (9,97). Trong số các gia đình có con trai, có 80,5% hộ gia đình có phân công công việc nội trợ cho con trai với độ tuổi trung bình của bé trai

là trên 10 tuổi (10,3). Nếu gia đình cùng có con trai và con gái thì đương nhiên là con gái sẽ được phân công làm nhiều hơn. Như vậy, có nhiều con và con còn nhỏ (dưới 10 tuổi) sẽ làm tăng khả năng tham gia nội trợ của người phụ nữ nhưng có ít con và con lớn hơn (10 tuổi trở lên), đặc biệt là con gái lại có xu hướng ngược lại, đó là yếu tố quan trọng làm giảm số lượng công việc nội trợ cho phụ nữ.

Tình trạng kinh tế hiện tại có tỷ lệ thuận với sự phân công lao động nội trợ trong gia đình. Các gia đình có mức sống khá giả với sự hỗ trợ của các tiện nghi sinh hoạt có sự chia sẻ nhiều hơn giữa vợ và chồng đối với công việc nội trợ. Trong mẫu này có 44,3% gia đình khá giả có tủ lạnh, 54,5% có bếp ga, 76,1% có xe máy trong khi tỷ lệ của các gia đình nghèo là 6,5%, 9,7% và 32,3%. Nhìn chung, sự hỗ trợ của các vật dụng này khiến cho công việc nội trợ giản tiện hơn, lôi cuốn sự tham gia của người chồng và các thành viên khác trong gia đình.

Vai trò kinh tế của người vợ có mối tương quan chặt chẽ đối với sự phân chia công việc nội trợ giữa vợ và chồng. Khi thu nhập của người vợ cao hơn người chồng thì họ nhận được sự chia sẻ công việc lớn hơn từ người chồng. Nếu đặt kết quả này từ góc độ phân tích của lý thuyết phân bổ nguồn lực tương đối xem ra là hợp lý, khi vai trò kinh tế có liên quan đến mối quan hệ quyền lực trong gia đình. Với xu hướng này, có thể đưa ra một gợi ý là tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ với các nguồn lực kinh tế có thể là yếu tố quan trọng để giảm gánh nặng lao động nội trợ.

Như vậy, mô hình phân công lao động nội trợ không chỉ đơn thuần chỉ là sự phân chia công việc thường ngày trong mỗi gia đình mà đằng sau nó là những quan niệm về khuôn mẫu vai trò giới đã tồn tại từ rất lâu và khó có thể thay đổi. Xét từ quan điểm bình đẳng giới, một nhận xét rút ra từ những phân tích này là người phụ nữ dù trẻ hay già vẫn luôn luôn là người gánh vác phần lớn công việc nội trợ trong gia đình. Công việc nội trợ do hầu hết các thành viên nữ trong gia đình đảm nhận, nếu không phải do người vợ, người mẹ thì vẫn là con gái hoặc chị em gái. Vai trò các thành viên nam như người chồng, người cha hoặc con trai, anh em trai xem ra vẫn chỉ mang tính hỗ trợ. Sự “ưu tiên” phân công lao động nội trợ cho con gái trong gia đình dường như là bước lặp lại mô hình phân công lao động theo giới. Đó là sự tiếp nối của thói quen truyền thống, gắn với mẫu hình gia đình truyền thống, trong đó người phụ nữ luôn chiếm một vị trí quan trọng trong việc tổ chức và thực hiện các công việc nội trợ (Lê Ngọc Hùng & Trần Thị Vân Anh, 2000). Điều này tiếp tục duy trì sự bất bình đẳng

giới trong gia đình, gây trở ngại cho sự phát triển của người phụ nữ. Do đó, việc thu hẹp khoảng cách và các định kiến trong việc phân công lao động nội trợ giữa vợ và chồng xem ra cần phải có sự tác động của các chính sách xã hội hơn là trông chờ sự thay đổi của bản thân người phụ nữ và nam giới trong gia đình, nhất là trong điều kiện một vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ thuần nông như ở Trịnh Xá. ■

Tài liệu tham khảo

- Artis, J.E. and Pavalko, E.K., 2003. "Explaining the decline in women's household labour: individual change and cohort differences" in *Journal of Marriage and Family* Vol.65 (3).
- Bộ Văn hoá Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, Viện Gia đình và Giới, UNICEF. 2008. *Kết quả điều tra Gia đình Việt Nam năm 2006*. Hà Nội.
- Bianchi, S.M., Milkie, A.M., Sayer, L.C. and Robinson, J.P., 2000. "Is anyone doing housework? Trend in the gender division of household labour" in *Social Forces* Vol.79 (1).
- Coltrane, S., 2000. "Research on household labour: modelling and measuring the social embeddedness of routine family work" in *Journal of Marriage and Family*, Vol.62 (4).
- Desai, J., 2000. *Vietnam through the lens of gender: five years later*. UNDP.
- Đỗ Thị Bình, 2001. "Vài nét về giới và trở lực của bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo ở Việt Nam hiện nay". *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 5.
- Lê Ngọc Hùng, Nguyễn Thị Mỹ Lộc. 2000. *Xã hội học về giới và phát triển*. Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Lê Thái Thị Băng Tâm. 2008. "Phân công lao động và ra quyết định trong gia đình", *Bình đẳng giới ở Việt Nam*. Trần Thị Vân Anh & Nguyễn Hữu Minh (Chủ biên). Nxb.Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Kim Hà. 1997. "Lượng giá công việc nội trợ gia đình của người phụ nữ nông thôn", in trong *Những vấn đề chính sách xã hội với phụ nữ nông thôn trong giai đoạn hiện nay*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- Trần Quý Long. 2008. "Lao động nội trợ của phụ nữ nông thôn và các yếu tố tác động". *Tạp chí Gia đình và Giới*, Quyển 18, số 6.
- Trần Thị Vân Anh & Lê Ngọc Hùng. 2000. *Phụ nữ, giới và phát triển*. Nxb. Phụ nữ, Hà Nội.
- Vũ Tuấn Huy & Deborah S.Carr., 2000. "Phân công lao động nội trợ trong gia đình". *Tạp chí Xã hội học*, số 3.